

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2024/DS-ST

Ngày: 26-6-2024.

V/v tranh chấp Hợp đồng tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

2. Ông Lê Văn Dài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Nhân, kiểm sát viên.

Trong các ngày 05, 26 tháng 6 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp dân sự Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Minh H, sinh năm: 1968.

Nơi cư trú: Số G, ấp T, xã T, huyện T, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Minh H là: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1974, Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 04/01/2023 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Lê Văn M, sinh năm: 1973 (vắng mặt không có lý do).

Nơi cư trú: Số E, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/6/2024, biên bản lấy lời khai và trong quá trình xét xử:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn D, người đại diện theo ủy quyền của ông Lê

Minh H trình bày: Ông **Lê Minh H** có cho ông **Lê Văn M** vay số tiền gốc 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), lãi suất 1,66%/ tháng, có làm biên nhận vay tiền ngày 05/4/2018(dl), thời hạn vay là 05 ngày, đến ngày 10/4/2018 ông **M** có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền vay cho ông **H**, mục đích vay là chi tiêu sinh hoạt gia đình, biên nhận do ông **M** tự viết và ký tên ghi họ tên, ông **M** viết biên nhận tại nhà của ông **M** ở **ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**. Ông **M** cam kết nếu qua ngày 10/4/2018 ông **M** sẽ giao giấy chứng nhận QSD đất cho ông **H** nhưng đến nay vẫn không có giao Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất như đã cam kết, ông **H** không giữ bất kỳ giấy chứng nhận QSD đất nào của ông **M**. Ông **H** cam đoan ông **M** không có trả tiền vay gốc và lãi cho ông **H** và cam đoan chữ viết nội dung biên nhận vay, chữ ký tên, chữ viết họ tên là của ông **Lê Văn M**, nếu sau này ông **M** chứng minh đã thanh toán đủ số tiền vay gốc lãi cho ông **H** theo Biên nhận vay tiền ngày 05/4/2018 thì ông **H** hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nay ông **Lê Minh H** yêu cầu cá nhân ông **Lê Văn M** có trách nhiệm trả lại cho ông **H** số tiền vay gốc còn nợ là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) theo Biên nhận nợ ngày 05/4/2018 (dl), không yêu cầu tính lãi suất.

- *Bị đơn ông **Lê Văn M***: Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông **M** không cung cấp văn bản ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của ông **H** cũng như tham dự phiên họp, hòa giải nên Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của ông **M** về việc yêu cầu khởi kiện của ông **H**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Minh H**, cụ thể: Buộc ông **Lê Văn M** có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông **Lê Minh H** số tiền nợ gốc là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), lãi suất không xem xét do nguyên đơn không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết: Do tranh chấp giữa cá nhân với cá nhân, ông **Lê Văn M** hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú **ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp** và chỗ ở hiện nay ở **ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[1.2.] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ Biên nhận ngày 05/4/2018, ông **H** có cho ông **M** vay số tiền 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*), mục đích vay để chi tiêu sinh hoạt gia đình, thời hạn vay là 05 ngày nhưng đến nay ông **M** không trả số tiền nợ nêu trên cho ông **H**, nên làm phát sinh tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Tòa án huyện thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về pháp luật áp dụng: Căn cứ Biên nhận ngày 05/4/2018, thời hạn trả nợ là 05 ngày, Tranh chấp hợp đồng vay tài sản phát sinh vào năm 2024, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[1.4] Về việc vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông **Nguyễn Văn D** vắng mặt có đơn xin vắng và bị đơn ông **Lê Văn M** vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn ông **M** đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng ông **M** vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo Biên nhận ngày 05/4/2018. Tòa án huyện đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định pháp luật tố tụng, nhưng ông **M** không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, cũng như phiên tòa, đã chứng minh được bị đơn cố tình vắng mặt, không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông **D** do có đơn xin vắng và bị đơn ông **M** do vắng mặt không có lý do là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với Hợp đồng vay tài sản:

Căn cứ Biên nhận ngày 05/4/2018, ông **H** có cho ông **M** vay số tiền 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*) là có thật và đã xảy ra, ông **M** đã nhận đủ số tiền vay 25.000.000đ và viết Biên nhận giao cho ông **H**. Từ khi nhận tiền vay đến nay ông **M** không trả số tiền nợ gốc và lãi, căn cứ Biên nhận ngày 05/4/2018 do ông **H** cung cấp thời hạn trả nợ vay là 05 ngày kể từ ngày ký hợp đồng vay tiền, đến nay đã hết thời hạn trả nợ, nhưng ông **M** không có trả tiền nợ cho ông **H** nên ông **M** đã vi phạm hợp đồng vay tài sản nêu trên đối với ông **H**. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của ông **H** buộc ông **M** có trách nhiệm trả lại số tiền nợ gốc 25.000.000đ là có cơ sở chấp nhận.

Ông **H** cam đoan chữ ký tên và chữ viết họ tên người nhận tiền là của ông **Lê Văn M**, đồng thời cam đoan từ khi giao tiền vay cho ông **M** đến nay ông **M** không có trả số tiền gốc và lãi nào khác, nếu sau này phát sinh tranh chấp việc ông **M** đã trả xong tiền nợ cho ông **H**, thì ông **H** hoàn toàn chịu trách nhiệm. Ông **M** đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, ông **M** không có văn bản trình bày ý kiến về việc có nợ tiền của ông **H** và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông **M**, nên Hội đồng xét xử không xem xét ý kiến hay yêu cầu của ông **M** đối với số tiền nợ nêu trên.

[2.2] Đối với yêu cầu trả lãi suất: Ông **Lê Minh H** không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ gốc 25.000.000đ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Minh H** buộc ông **Lê Văn M** có trách nhiệm cá nhân trả lại cho ông **Lê Minh H** số tiền còn nợ gốc là 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*) là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 468 BLDS năm 2015.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Nguyên đơn ông **Lê Minh H** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông **Lê Văn M** phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 1.250.000đ (*Một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 26, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Minh H** đối với ông **Lê Văn M** về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông **Lê Văn M** có trách nhiệm cá nhân trả lại cho ông **Lê Minh H** số tiền còn nợ 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bị đơn ông **Lê Văn M** phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 1.250.000đ (Một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Nguyên đơn ông **Lê Minh H** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông **Lê Minh H** toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 948.000đ (Chín trăm bốn mươi tám nghìn đồng) theo biên lai số 0006457 ngày 22/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 26/6/2024). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Tòa án ND tỉnh;
- Cổng thông tin Điện tử Tòa án;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lý Thị Bích Thơ